

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/LĐ-PT
Ngày 11/01/2021
V/v Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Ông Phan Nguyên Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/LĐPT ngày 19/11/2020 về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 682/2020/LĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3614/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Y – sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 10/14 N, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Q, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ngày 28/9/2017) (Có mặt)

Nơi cư trú: 16, Đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: 47/4/1 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Liên hiệp Hợp tác xã T

Địa chỉ: 52 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông H, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ngày 30/5/2018) (Có mặt)

Địa chỉ: 497/12 đường H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông V, Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Văn phòng L, 454A đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019 của bà Y và quá trình giải quyết vụ án ông Q là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Y làm việc tại Liên hiệp Hợp tác xã T (Gọi tắt HTX T) từ tháng 4/1999 đến tháng 01/2017 với hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 16/01/2017, HTX T ra Quyết định số 05/QĐ-NV chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/12/2017 với lý do đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định và được hưởng trợ cấp nghỉ hưu 03 tháng lương thu nhập là 21.258.732 đồng (7.086.244 đồng x 3 tháng). Như vậy thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà Y chưa đủ 20 năm để hưởng lương hưu trí, do đó HTX T chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Y thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Bà Y khởi kiện yêu cầu HTX T bồi thường những khoản sau:

- Thu nhập bị mất do những ngày không được làm việc từ ngày 01/02/2017 đến 24/9/2020 là 311.249.640 đồng = 7.086.244 đồng x 43 tháng 24 ngày.

- Bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng là 14.172.488 đồng = 7.086.244 đồng x 2 tháng.

- Trả tiền BHXH, BHYT là 45.815.962 đồng = 5.197.500 đồng x 20.5% x 43 tháng.

- Trợ cấp thôi việc từ tháng 4/1999 đến 31/12/2008 là 35.431.220 đồng = (7.086.244 đồng x 10 năm)/2

Tổng cộng là 406.669.310 đồng

Bị đơn Liên hiệp Hợp tác xã T có ông H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Y, sinh ngày 15/01/1962 được tuyển dụng vào Liên hiệp Hợp tác xã Mua Bán quận T (tên gọi trước của Liên hiệp Hợp tác xã T) làm nhân viên bán hàng thông qua Chi nhánh Dịch vụ Việc làm thuộc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Tân Bình ngày 30/6/1998. Ngày 01/4/1999 bà Y bắt đầu tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Đến ngày 01/7/1999 bà Y được điều động từ nhân viên tiếp thị sang làm nhân viên tổng hợp của Phòng Kinh doanh. Đến ngày 06/12/2002 bà Y được điều động sang làm nhân viên thủ kho cho đến nghỉ việc theo Quyết định số 05/QĐ-NV ngày 16/01/2017. HTX T đã trả đầy đủ lương và các chi phí khác đến hết tháng 01/2017. Khoảng 01 năm trước khi bà Y nghỉ việc, bà Y đã chủ động gặp trực tiếp lãnh đạo để trao đổi nguyện vọng là tiếp tục làm việc hay nghỉ việc thì có lợi hơn. Bà Y đã chọn nghỉ việc nên HTX T đã ra Quyết định nghỉ việc và trợ cấp đối với người lao động nghỉ hưu đối với bà Y. Bà Y nghỉ việc từ 01/02/2017 và nhận trợ cấp 03 tháng tiền lương thu nhập với số tiền 21.258.732 đồng. Bà Y đã nhận Quyết định nghỉ việc, nhận trợ cấp và bàn giao công việc, không thắc mắc, khiếu nại gì. Việc bà Y nghỉ việc là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, việc HTX T chấm dứt hợp đồng lao động đối với

bà Y là đúng quy định của pháp luật, nên không đồng ý với các yêu cầu của bà Y.

Với nội dung vụ án nêu trên, bản án sơ thẩm đã tuyên:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 36, Điều 41, 42, 48 và 187 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn – Bà Y về việc: Tuyên bố Liên hiệp Hợp tác xã T chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Y là trái pháp luật

Buộc Liên hiệp Hợp tác xã T trả cho bà Y số tiền 259.066.102 (*Hai trăm năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm lẻ hai*) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/10/2020 nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường số tiền tổng cộng là 406.669.962đ.

Ngày 08/10/2020 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận HTX T hỗ trợ cho bà Y khoản tiền lương tương đương 26 tháng là 135.200.000đ, buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn khoản tiền trợ cấp hưu trí khi nghỉ việc là 21.258.732đ, xem xét lại khoản tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã dựa vào công văn số 1134/BHXXH ngày 18/9/2020 của Bảo hiểm xã hội quận Phú Nhuận xác nhận nguyên đơn đóng bảo hiểm trong 2 năm 2 tháng cho đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng chế độ hưu trí, đây không phải là điều kiện để chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, thời gian không được làm việc theo Điều 40 Bộ luật lao động thì phải tính đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án. Đối với kháng cáo của bị đơn nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày ý kiến về yêu cầu kháng cáo: Tại tiêu đề của Quyết định số 05/QĐ-NV ngày 16/01/2017 của HTX T đã ghi rõ là “*Quyết định về việc nghỉ việc và trợ cấp đối với người lao động nghỉ hưu*”, đồng thời, nguyên đơn đã nhận đủ 3 tháng tiền lương được ghi nhận trong quyết định là tiền trợ cấp hưu trí, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Y không ra đối chất tại Tòa chứng tỏ bà Yên có thỏa thuận nghỉ việc từ trước với bị đơn nên không dám đối diện với sự thật. Do từ quyết định của Hợp tác xã và hành vi cụ thể của nguyên đơn đã thể hiện rõ giữa nguyên đơn và bị đơn đã có sự thỏa thuận về trợ cấp và về việc chấm dứt hợp đồng lao động để hưởng chế độ nghỉ hưu. Vì lý do trên bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn 26 tháng tiền lương cơ bản với mức lương là 5,2 triệu đồng một tháng. Về tiền lương thì Tòa án cấp sơ thẩm tính trên mức lương thu nhập trên 7 triệu đồng một tháng là không đúng mà phải tính trên mức lương thực tế đóng bảo hiểm xã hội là 5,2 triệu đồng một tháng. Bị đơn xin rút yêu cầu kháng cáo đề nghị bị đơn hoàn trả khoản tiền trợ cấp hưu trí 21.258.732 đồng. Đối với khoản tiền án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại, điều chỉnh theo quyết định của bản án phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 682/2020/LĐ-ST được tuyên vào ngày 24/9/2020, ngày 07/10/2020 nguyên đơn kháng cáo, ngày 08/10/2020 bị đơn kháng cáo vì vậy đơn kháng cáo của các đương sự nằm trong thời hạn luật định, bị đơn có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn kháng cáo vì cho rằng theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 thì khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động phải “*Trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc...*” như vậy, khi Tòa án tuyên bố quyết định số 05/QĐ-NV ngày 16/01/2017 của HTX T là trái pháp luật thì

người lao động phải được bồi thường cho đến khi người lao động đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động vào ngày Tòa án tuyên án sơ thẩm.

[3] Tòa án xét thấy theo khoản 4 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012 thì hợp đồng lao động chấm dứt khi “*Người lao động đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này*”. Theo thừa nhận của đôi bên thì nguyên đơn công tác tại HTX T và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4 năm 1999 đến hết tháng 01 năm 2017 là 17 năm 10 tháng, như vậy nguyên đơn còn 2 năm 2 tháng là đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được nghỉ hưu để chấm dứt hợp đồng lao động (khoản 1 Điều 54 luật Bảo hiểm xã hội). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian không được làm việc của nguyên đơn là 2 năm 2 tháng làm cơ sở cho việc bồi thường là đúng, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Bị đơn kháng cáo vì cho rằng giữa đôi bên có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động được thể hiện qua hành vi nhận tiền trợ cấp nghỉ hưu và trong tiêu đề quyết định 05 ghi rõ là quyết định về việc nghỉ việc và trợ cấp đối với người lao động nghỉ hưu. Tòa án xét thấy, chứng cứ mà bị đơn cung cấp cho Tòa án là Quyết định số 05/QĐ-NV ngày 16/01/2017 của HTX T và biên nhận tiền hỗ trợ nghỉ hưu của nguyên đơn, các chứng cứ này chỉ có giá trị chứng minh rằng HTX T có cho nguyên đơn nghỉ việc và có hỗ trợ 3 tháng tiền lương hưu cho nguyên đơn, mà không đủ cơ sở chứng minh giữa đôi bên có sự thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Do bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không thừa nhận việc giữa đôi bên có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động và không cần thiết phải đối chất giữa đôi bên theo yêu cầu của bị đơn là có cơ sở.

[5] Về mức lương làm căn cứ để tính bồi thường, theo quy định tại Điều 90 Bộ luật lao động thì tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

[6] Theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn về tiền lương tại Điều 90 Bộ luật lao động thì:

1. Tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm:

a) Mức lương theo công việc hoặc chức danh là mức lương trong thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động. Mức lương đối với công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động và thời giờ làm việc bình thường (không bao gồm khoản tiền trả thêm khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm) không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;

[7] Như vậy, tiền lương của người lao động bao gồm các khoản tiền lương chính (lương cơ bản), lương chức danh, các khoản phụ cấp và các khoản bổ sung có liên quan đến công việc.

[8] Theo bản thanh toán lương tháng 1 năm 2017 của HTX T thì bà Y có tiền lương cơ bản là 5.197.500 đồng, lương chức danh là 7.086.244 đồng, không có các khoản phụ cấp. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào mức lương chức danh làm căn cứ để tính bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về khoản trợ cấp hưu trí: Đây là yêu cầu mới tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đã xin rút yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu mới của đương sự; Khi cần thiết bị đơn có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[10] Do nội dung kháng cáo của các đương sự đều không có cơ sở nên không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần quyết định khác không có kháng cáo được giữ nguyên.

[11] Về án phí sơ thẩm đã được tính đúng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở tính toán lại theo yêu cầu của bị đơn. Án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 BLTT DS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ các Điều 36, 38, 41, 42, 187 Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội;
- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 682/2020/LĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Bà Y về việc: Tuyên bố Liên hiệp Hợp tác xã T chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Y là trái pháp luật

Buộc Liên hiệp Hợp tác xã T trả cho bà Y số tiền 259.066.102 (Hai trăm năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm lẻ hai) đồng.

2. Về án phí:

- Liên hiệp Hợp tác xã T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 7.771.983 (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn chín trăm tám mươi ba) đồng.

- Bà Y được miễn nộp án phí.

- Liên hiệp Hợp tác xã T phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà hợp tác xã đã nộp

theo biên lai thu số AA/2019/0019338 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THA DS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Liên Minh